

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TKD24B2**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MH03163**

Học kỳ: **01**

Tên MH/MĐ: **Lý thuyết tài chính tiền tệ**

Số TC: **3**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2453403020074	Huỳnh Băng	Băng	26/07/2009			7	8	7.5	8.0	7.0		9.8		8.9
2	2453403020075	Võ Thị Kim	Chi	19/06/2009			7	8	8.0	7.5	7.0		8.3		8.0
3	2453403020076	Trần Khánh	Duy	03/02/2009			7	7	7.0	7.0	7.0		6.5		6.7
4	2453403020077	Nguyễn Mỹ	Duyên	06/08/2009			7	7	8.0	6.5	7.0		6.5		6.8
5	2453403020078	Hà Phong	Đạt	05/08/2009			7	8	7.0	7.0	7.0		3.8	7.0	7.1
6	2453403020079	Kiều Thanh	Đức	29/04/2008			7	7	6.0	6.0	6.5		0.0	6.5	6.5
7	2453403020080	Âu Kỳ Hiếu	Em	23/04/2009			7	8	7.0	8.0	7.5		7.0		7.2
8	2453403020081	Huỳnh Gia	Hân	25/07/2009			10	10	10.0	9.0	9.5		10.0		9.9
9	2453403020082	Lâm Kiến	Hồng	19/09/2009			8	8	8.0	8.0	8.0		6.0		6.8
10	2453403020083	Nguyễn Thị Cẩm	Hồng	17/04/2009			7.5	7	7.0	7.5	7.0		6.0		6.5
11	2453403020084	Dương Lê	Huy	08/10/2009			8.5	9	8.5	8.0	8.5		7.8		8.1
12	2453403020085	Nguyễn Quốc	Kỳ	17/10/2009			10	1	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.6
13	2453403020086	Nguyễn Đình	Lợi	16/08/2009			8	6	7.0	7.0	6.5		8.0		7.6
14	2453403020087	Nur Juliy Ah	Mach	29/05/2008			8	7	7.0	7.0	7.5		8.0		7.7
15	2453403020088	Trần Gia	Mãng	25/09/2009			8	7	7.5	7.0	8.0		7.8		7.7
16	2453403020089	Thái Hoàng	Minh	14/06/2009			7.5	6.5	7.5	7.0	7.0		6.8		6.9
17	2453403020090	Nguyễn Thị Thúy	Ngân	02/06/2001			10	10	9.0	9.0	10.0		9.8		9.7
18	2453403020091	Lê Bảo	Ngọc	04/10/2009			7.5	7.5	7.5	6.5	7.5		6.8		7.0
19	2453403020092	Trần Kim	Ngọc	16/05/2009			7	7	8.0	7.0	7.0		7.8		7.6
20	2453403020093	Đặng Thị Mỹ	Như	15/01/2009			7	7	7.5	8.0	7.0		6.0		6.6
21	2453403020094	Phạm Hoàng	Phúc	04/04/2009			7	6	7.5	7.0	7.0		0.0	0.0	2.8
22	2453403020095	Siti	Saphira	18/03/2009			9	9	8.0	8.5	8.0		7.3		7.7
23	2453403020096	Bùi Đặng Hữu	Tài	16/04/2009			7	7	6.5	7.0	7.5		5.3		6.0
24	2453403020097	Nguyễn Thọ	Thành	29/12/2009			7	7	7.0	7.5	7.5		8.0		7.7
25	2453403020098	Dương Nhật	Thị	04/05/2009			7	6.5	8.0	7.0	8.0		7.0		7.2
26	2453403020099	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	07/08/2009			7	7.5	7.5	6.0	7.5		8.5		7.9
27	2453403020100	Trịnh Phú	Trạng	04/03/2008			7	7	7.0	7.0	7.5		5.5		6.2
28	2453403020101	Nguyễn Lê Bích	Trâm	24/06/2009			0	0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
29	2453403020102	Phan Thái Ngọc	Trâm	28/08/2009			7	7.5	7.5	8.0	7.0		5.0		6.0
30	2453403020103	Đình Đào Thanh	Trúc	30/07/2009			8	9	8.0	8.5	8.0		5.8		6.8
31	2453403020104	Hồ Thị Cẩm	Tú	30/12/2009			7.5	7	7.0	7.0	7.0		5.5		6.1
32	2453403020105	Nguyễn Huỳnh Kim	Tuyền	11/08/2009			8	8	6.5	7.0	7.5		5.0		5.9
33	2453403020106	Đình Phạm Mỹ	Uyên	09/11/2009			7.5	8	7.0	6.5	7.5		9.5		8.6
34	2453403020107	Nguyễn Thị Kim	Uyên	08/01/2009			7	8	7.5	7.5	8.0		7.5		7.6
35	2453403020108	Nguyễn Thị Mai	Vàng	19/09/2009			8	7.5	6.5	7.0	8.0		3.0	8.0	7.7
36	2453403020109	Lâm Yến	Vỹ	04/02/2009			7.5	7	7.5	7.5	7.0		5.5		6.2

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
37	2453403020110	Nguyễn Tường Vy	15/10/2009			7	7	7.5	8.0	6.0		8.3		7.8
38	2453403020111	Lâm Xuân Yên	11/08/2009			8	9	8.0	8.5	8.0		9.5		9.0

Châu Đốc, ngày 13 tháng 3 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Dương Thị Bích Thủy